TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 19/6/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Ngọc Thắng

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên toà*:* Bà Lê Hồng Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 19/6/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐST - HNGĐ ngày 20/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1996 (Có mặt)

NĐKHKTT: DT, xã BH, huyện YT, tỉnh BG

Nơi ở: ĐS, xã PL, huyện QV, tỉnh BN

+ *Bị đơn:* Anh Trịnh Ngọc T, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: DT, xã BH, huyện YT, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, thỏa thuận kết hôn trên cơ sở tự nguyện hợp pháp và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bố Hạ,

huyện Yên Thế năm 2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không chịu làm ăn, chị có khuyên nhiều lần nhưng anh T không nghe và mắng chửi đuổi chị về nhà mẹ đẻ, đến tháng 3/2018 chị đưa con gái về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trịnh Ngọc A, sinh ngày 25/12/2016 hiện đang ở với anh T, nay chị xin được nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo anh Trịnh Ngọc T trình bày: Anh kết hôn cùng chị T năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bố Hạ, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu thỏa thuận và đi đến hôn nhân; trong quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 chị T đi làm công ty ở Bắc Ninh từ đó không về, anh có đón nhiều lần nhưng chị T không về, trong cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Vợ chồng có một con chung là Trịnh Ngọc A, sinh ngày 25/12/2016 hiện đang ở với anh, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chung vợ chồng anh tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trịnh Ngọc T; giao con chung là Trịnh Ngọc A, sinh ngày 25/12/2016 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về án phí: Miễn tiền án phí cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt do đó căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T kết hôn cùng anh Trịnh Ngọc T năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bố Hạ. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hoà thuận được một thời gian sau đó xẩy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn kinh tế; vợ chồng ly thân đã lâu do đó Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh T đã trầm trọng, thời gian đã kéo dài, mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T, anh T có một con chung là Trịnh Ngọc A, sinh ngày 25/12/2016. Tòa án thấy rằng hiện nay chị T làm công nhân tại Công ty Samsung thu nhập ổn định, anh T không có nghề nghiệp ổn định, mặt khác hiện nay cháu Ngọc Anh dưới 36 tháng tuổi cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ do đó cần giao cháu Trịnh Ngọc A cho chị T nuôi dưỡng, sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/21016. Xử:

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Trịnh Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung là Trịnh Ngọc A, sinh ngày 25/12/2016 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

Án phí: Miễn tiền án phí cho chị T, trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004321 ngày 08/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

-

Phạm Hữu Luyện